

Chương V. PHẠM VI CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp thuốc

1. Phạm vi cung cấp thuốc

Phạm vi cung cấp là danh mục thuốc mời thầu tại Mẫu số 00. Bảng phạm vi cung cấp, tiến độ cung cấp và yêu cầu về kỹ thuật của thuốc. Đối với các thuốc trong danh mục mời thầu thuộc danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp được Bộ Y tế ban hành (Danh mục ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/04/2024 của Bộ Y tế) thì nhà thầu chỉ chào thầu thuốc sản xuất trong nước cùng tiêu chí kỹ thuật đó.

2. Tiến độ cung cấp thuốc

- Thuốc phải được giao đủ số lượng và đúng các thông tin, tiêu chuẩn như trong E-HSDT
- Thời gian giao thuốc trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được đơn đặt hàng của chủ đầu tư
- Thuốc phải được giao hàng thành nhiều đợt, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, theo yêu cầu (dự trù) của chủ đầu tư
- Địa điểm giao hàng:
 - + Phân trại số 1: Ấp 6, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau
 - + Phân trại số 2: Ấp Bảy Ghe, xã Khánh Hưng, tỉnh Cà Mau
 - + Phân trại số 3: Ấp 17, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp thuốc (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT. Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về nhãn hiệu cụ thể của thuốc. Khi chưa có kết quả đàm phán giá thuốc được công bố, nếu Bộ phận y tế của Chủ đầu tư thống nhất ý kiến cần sử dụng thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu để phục vụ nhu cầu, Chủ đầu tư xây dựng gói thầu thuốc biệt dược gốc nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

2.1. Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: “Gói thầu HH-01: Mua thuốc và vật tư y tế cho Trại giam Cái Tàu năm 2026”
- Tên dự toán mua sắm: Mua thuốc và vật tư y tế cho Trại giam Cái Tàu năm 2026
- Chủ đầu tư: Trại giam Cái Tàu
- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày
- Địa điểm thực hiện:

- + Phân trại số 1: Ấp 6, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau
- + Phân trại số 2: Ấp Bảy Ghe, xã Khánh Hưng, tỉnh Cà Mau
- + Phân trại số 3: Ấp 17, xã Khánh An, tỉnh Cà Mau
- Nội dung gói thầu: Theo danh mục thuốc mời thầu đính kèm trong E-HSMT

2.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Chủ đầu tư căn cứ thông tin về thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (giấy đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc), thông tin về nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP của cơ sở sản xuất tại công văn, quyết định phê duyệt của Cục Quản lý Dược; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền hoặc được công bố trên Trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược; Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền và các thông tin khác để đánh giá kỹ thuật của thuốc.

2.2.1. Yêu cầu chung

2.2.1.1. Thuốc dự thầu được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam

a) Thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu còn hiệu lực tại Việt Nam.

Đối với trường hợp mặt hàng thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của E-HSMT và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong E-HSMT (đối với thuốc phóng xạ thì thay thẻ kho bằng giấy tờ khác phù hợp; đối với mua sắm tập trung thì không áp dụng chứng minh bằng thẻ kho);

Đối với trường hợp giấy phép GMP hết hiệu lực trước thời điểm đóng thầu nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của E-HSMT và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong E-HSMT (đối với thuốc phóng xạ thì thay thẻ kho bằng giấy tờ khác phù hợp; đối với mua sắm tập trung thì không áp dụng chứng minh bằng thẻ kho);

Trong quá trình đánh giá E-HSMT nếu các giấy tờ trên được gia hạn hoặc cấp mới thì không cần xem xét thẻ kho.

b) Thuốc tham dự thầu không bị thu hồi giấy đăng ký lưu hành theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Dược.

c) Thuốc tham dự thầu không có thông báo thu hồi theo quy định tại Thông tư số 30/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ Y tế hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thu hồi, xử lý thuốc vi phạm... (trường hợp thu hồi một hoặc một số lô thuốc xác định thì các lô thuốc không bị thu hồi vẫn được phép lưu hành hợp pháp)

2.2.1.2. Thuốc dự thầu vào gói thầu, nhóm thuốc phù hợp

Theo danh mục thuốc mời thầu đính kèm trong E-HSMT. Gói thầu được phân chia thành 05 nhóm theo tiêu chí kỹ thuật như sau (theo Điều 4 Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế):

***Nhóm 1** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

- a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP tại nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;
- b) Thuốc thuộc danh mục thuốc biệt dược gốc hoặc sinh phẩm tham chiếu do Bộ Y tế công bố;

c) Được sản xuất toàn bộ các công đoạn tại Việt Nam và phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau đây:

- Sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

- Được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

- Thuốc lưu hành tại Việt Nam và thuốc được cơ quan quản lý dược của nước thuộc danh sách SRA hoặc EMA cấp phép lưu hành phải có cùng công thức bào chế, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm; dược chất, tá dược phải có cùng tiêu chuẩn chất lượng, cơ sở sản xuất, địa điểm sản xuất theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của Thông tư số 40/2025/TT-BYT.

***Nhóm 2** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây:

a) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc dây chuyền sản xuất thuốc đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc nguyên tắc, tiêu chuẩn tương đương EU-GMP;

b) Được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất thuốc tại nước là thành viên PIC/s đồng thời là thành viên ICH, được cơ quan quản lý có thẩm quyền của nước này cấp chứng nhận đạt nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn PIC/s-GMP.

***Nhóm 3** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam và được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố có chứng minh tương đương sinh học.

***Nhóm 4** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam và được sản xuất toàn bộ trên dây chuyền sản xuất tại Việt Nam được cơ quan quản lý dược Việt Nam công bố đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn GMP.

***Nhóm 5** bao gồm thuốc được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc được cấp giấy phép nhập khẩu để lưu hành tại Việt Nam.

Thuốc dự thầu vào các nhóm thuốc trên phải phù hợp với quy định tại Điều 11 của Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế.

Nhà thầu không chào thầu thuốc nhập khẩu cùng nhóm tiêu chí kỹ thuật đối với các thuốc mời thầu thuộc Danh mục thuốc có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế và về chất lượng, giá, khả năng cung cấp (ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư số 03/2024/TT-BYT ngày 16/04/2024 của Bộ Y tế).

2.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

- Thuốc dự thầu phải có Tên hoạt chất, Nồng độ, Hàm lượng, Đường dùng, Dạng bào chế, Số lượng, Đơn vị tính đáp ứng yêu cầu mời thầu nêu tại Mẫu số 00 Chương IV E-HSMT, thông tin trong Giấy đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu và Tờ hướng dẫn sử dụng thuốc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Đường dùng của thuốc trong Mẫu số 00 Chương IV E-HSMT được thống nhất như sau:

- + Uống bao gồm các thuốc uống, nhai, ngậm;
 - + Tiêm bao gồm các thuốc tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm trong da, tiêm tĩnh mạch, tiêm truyền, truyền tĩnh mạch, tiêm vào ổ khớp, tiêm nội nhãn cầu, tiêm trong dịch kính của mắt, tiêm hoặc truyền vào các khoang của cơ thể;
 - + Dùng ngoài bao gồm các thuốc bôi ngoài da, xoa ngoài da, dán ngoài da, xịt ngoài da, thuốc rửa, bôi vào niêm mạc, súc miệng;
 - + Đặt bao gồm các thuốc đặt âm đạo, đặt hậu môn, thụt hậu môn hoặc trực tràng, đặt dưới lưỡi, đặt niệu đạo, đặt trong má, đặt hoặc cấy dưới da;
 - + Hô hấp bao gồm các thuốc phun mù, dạng hít (dung dịch, hỗn dịch, bột dùng để hít), khí dung, xịt họng, bơm nội khí quản;
 - + Nhỏ mắt bao gồm các thuốc nhỏ mắt, tra mắt; nhỏ tai bao gồm các thuốc nhỏ tai; nhỏ mũi bao gồm thuốc nhỏ mũi, xịt mũi;
 - + Đường dùng khác được ghi cụ thể trong Mẫu số 00 Chương IV E-HSMT đối với một số thuốc có đường dùng, dạng dùng khác với các đường dùng nêu trên.
- Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho Chủ đầu tư phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng trên 02 năm; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

BẢNG PHẠM VI CUNG CẤP, TIẾN ĐỘ CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA THUỐC

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Giá kế hoạch	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	Khối lượng	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu về xuất xứ (nếu có)
1	G.01	Amoxicillin	500 mg	Uống	Viên nang	1.339.308.220	4	Viên	12.000	365 ngày	
2	G.02	Cephalexin	500mg	Uống	Viên nang		2	Viên	10.000	365 ngày	
3	G.03	Cephalexin	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống		4	Gói	300	365 ngày	
4	G.04	Amoxicili; Acid Clavulanic	500mg, 125mg	Uống	Viên		3	Viên	1.000	365 ngày	
5	G.05	Amoxicilin; Acid clavulanic	250mg; 31,25mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống		3	Gói	500	365 ngày	
6	G.06	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên		3	Viên	15.000	365 ngày	
7	G.07	Levofloxacin	500 mg	Uống	Viên		3	Viên	1.600	365 ngày	
8	G.08	Ofloxacin	200mg	Uống	Viên		2	viên	18.000	365 ngày	
9	G.09	Clarithromycin	500 mg	Uống	Viên		3	Viên	1.200	365 ngày	
10	G.10	Metronidazol	250mg	Uống	Viên		4	Viên	30.000	365 ngày	
11	G.11	Tinidazol	500mg	Uống	Viên		2	Viên	3.000	365 ngày	
12	G.12	Cefaclor	250mg	Uống	Viên nang		2	Viên	400	365 ngày	
13	G.13	Cefaclor	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống		4	Gói	240	365 ngày	
14	G.14	Bột hạt Malva (Malva purpurea); Xanh methylen; Camphor monobromid	250mg; 25mg; 20mg	Uống	Viên		4	Viên	2.000	365 ngày	
15	G.15	Gentamicin	80mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4	Ống	400	365 ngày	
16	G.16	Dexamethason phosphat	4mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4	Ống	400	365 ngày	
17	G.17	Adrenalin	1mg/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4	Ống	30	365 ngày	
18	G.18	Methylprednisolon acetat	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm		1	Lọ	30	365 ngày	
19	G.19	Hydrocortisone acetate; Lidocaine hydrochloride	125 mg; 25 mg	Tiêm	Thuốc tiêm		1	Lọ	30	365 ngày	
20	G.20	Diphenhydramin HCl	10mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm		4	Ống	30	365 ngày	

21	G.21	Prednisolon	5mg	Uống	Viên nang	4	Viên	50.000	365 ngày	
22	G.22	Methylprednisolon	16mg	Uống	Viên	4	Viên	1.500	365 ngày	
23	G.23	Alphachymotrypsin	21 microkatal	Uống	Viên	4	Viên	15.000	365 ngày	
24	G.24	Diclofenac natri	50mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	4	Viên	35.000	365 ngày	
25	G.25	Diclofenac natri	75mg	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Ống	150	365 ngày	
26	G.26	Piroxicam	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Ống	400	365 ngày	
27	G.27	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên	3	Viên	45.000	365 ngày	
28	G.28	Celecoxib	200mg	Uống	Viên nang	4	Viên	1.200	365 ngày	
29	G.29	Ibuprofen	400mg	Uống	Viên	4	viên	15.000	365 ngày	
30	G.30	Paracetamol	500mg	Uống	Viên	5	viên	4.000	365 ngày	
31	G.31	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nang	4	Viên	100.000	365 ngày	
32	G.32	Paracetamol	500mg	Uống	Viên sủi	1	viên	1.600	365 ngày	
33	G.33	Paracetamol	80 mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	500	365 ngày	
34	G.34	Paracetamol	150 mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	480	365 ngày	
35	G.35	Paracetamol; Clorpheniramin maleat	150mg; 1mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	4	Gói	480	365 ngày	
36	G.36	Paracetamol	250mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	3	Gói	480	365 ngày	
37	G.37	Paracetamol; Clopheniramin maleat	325mg; 2mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	4	gói	480	365 ngày	
38	G.38	Eperison HCl	50mg	Uống	Viên	4	Viên	30.000	365 ngày	
39	G.39	Alverin citrat	40mg	Uống	Viên	4	Viên	26.000	365 ngày	
40	G.40	Drotaverine hydrochloride	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm	1	Ống	120	365 ngày	
41	G.41	Drotaverin hydrochlorid	40mg	Uống	Viên	2	Viên	9.000	365 ngày	
42	G.42	Clorpheniramin maleat	4mg	Uống	Viên nang	4	viên	50.000	365 ngày	
43	G.43	Cetirizine dihydrochloride	10mg	Uống	Viên	4	viên	30.000	365 ngày	
44	G.44	Fexofenadin HCl	180mg	Uống	Viên	1	Viên	400	365 ngày	

45	G.45	Fexofenadin hydroclorid	180mg	Uống	Viên	2	Viên	1.000	365 ngày	
46	G.46	Oxomemazin; Guaifenesin; Paracetamol; Natri benzoat	1,65 mg, 33,3 mg, 33,3 mg, 33,3 mg	Uống	Viên nang	4	Viên	24.000	365 ngày	
47	G.47	Eucalyptol ; Menthol; Tinh dầu tần; Tinh dầu gừng	100mg , 0,5mg, 0,18mg, 0,5mg	Uống	Viên nang	4	Viên	35.000	365 ngày	
48	G.48	Alimemazin tartrat	6,25mg	Uống	Viên	4	Viên	50.000	365 ngày	
49	G.49	Bromhexin hydroclorid	8mg	Uống	Viên	4	Viên	40.000	365 ngày	
50	G.50	Acetylcystein	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	4	gói	1.500	365 ngày	
51	G.51	Acetylcysteine	200mg	Uống	Viên nang	2	Viên	12.000	365 ngày	
52	G.52	Cao khô lá Actiso	200mg	Uống	Viên	3	Viên	3.600	365 ngày	
53	G.53	DL-Methionine	250mg	Uống	Viên nang	4	Viên	30.000	365 ngày	
54	G.54	Cao khô silybum marianum	312mg	Uống	Viên nang	4	Viên	3.000	365 ngày	
55	G.55	Carduus marianus + Thiamin nitrate + Pyridoxine HCl + Riboflavin + Nicotinamide + Calci pantothenate		Uống	Viên nang	4	Viên	1.000	365 ngày	
56	G.56	Metadoxin	500mg	Uống	Viên	5	Viên	700	365 ngày	
57	G.57	L-Ornithin - L-Aspartat	150mg	Uống	Viên	4	Viên	3.000	365 ngày	
58	G.58	Metoclopramid hydroclorid	10mg	Uống	Viên	4	Viên	6.000	365 ngày	
59	G.59	Domperidon	10mg	Uống	Viên	4	Viên	5.000	365 ngày	
60	G.60	Alginat natri; Natri Bicarbonat; Canxi carbonat	500mg, 213mg, 325mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	1	Gói	900	365 ngày	
61	G.61	Aluminium phosphate 20% gel	12,38g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	2	Gói	1.000	365 ngày	

62	G.62	Aluminium phosphate 20% gel	12,38g	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	4	Gói	2.000	365 ngày	
63	G.63	Cimetidin	300mg	Tiêm	Thuốc tiêm	2	Ống	300	365 ngày	
64	G.64	Esomeprazol	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	4	Lọ	40	365 ngày	
65	G.65	Omeprazol	20mg	Uống	Viên nang	5	Viên	3.000	365 ngày	
66	G.66	Omeprazol	20 mg	Uống	Viên nang	4	Viên	26.000	365 ngày	
67	G.67	Bismuth trioxid	120mg	Uống	Viên	5	Viên	500	365 ngày	
68	G.68	Rabeprazol natri	20mg	Uống	Viên nang	5	Viên	1.500	365 ngày	
69	G.69	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	1	Viên	360	365 ngày	
70	G.70	Pantoprazole	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	1	Viên	360	365 ngày	
71	G.71	Rebamipid	100mg	Uống	Viên	1	Viên	360	365 ngày	
72	G.72	Simethicone	120mg	Uống	Viên	5	Viên	2.000	365 ngày	
73	G.73	Sorbitol	5g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	4	Gói	1.000	365 ngày	
74	G.74	Macrogol	10g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	1	Gói	1.000	365 ngày	
75	G.75	Loperamid hydroclorid	2mg	Uống	Viên nang	2	Viên	10.000	365 ngày	
76	G.76	Diosmectite	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	1	Gói	1.000	365 ngày	
77	G.77	Phân đoạn flavonoid vi hạt tinh chế ứng với: Diosmin 90%; Các flavonoid biểu thị bằng hesperidin 10%;	450mg, 50mg	Uống	Viên	1	Viên	1.200	365 ngày	
78	G.78	Furosemid	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Ống	50	365 ngày	
79	G.79	Furosemid	40mg	Uống	Viên	4	Viên	1.000	365 ngày	
80	G.80	Hydroclorothiazid	25mg	Uống	Viên	4	Viên	4.000	365 ngày	
81	G.81	Perindopril arginine	5mg	Uống	Viên	1	Viên	660	365 ngày	

82	G.82	Felodipine; Metoprolol	5mg; 39 mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	1	viên	360	365 ngày	
83	G.83	Amlodipin	5mg	Uống	Viên nang	1	viên	24.000	365 ngày	
84	G.84	Nifedipine	20mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	2	Viên	8.000	365 ngày	
85	G.85	Captopril	25mg	Uống	Viên	2	Viên	6.000	365 ngày	
86	G.86	Enalapril maleat	10 mg	Uống	Viên	2	Viên	3.000	365 ngày	
87	G.87	Bisoprolol fumarat	2.5mg	Uống	Viên	2	Viên	4.000	365 ngày	
88	G.88	Bisoprolol fumarat	5 mg	Uống	Viên	1	Viên	2.400	365 ngày	
89	G.89	Losartan kali	25 mg	Uống	Viên	2	Viên	2.400	365 ngày	
90	G.90	Losartan kali	50 mg	Uống	Viên	1	Viên	2.400	365 ngày	
91	G.91	Carvedilol	6,25mg	Uống	Viên	2	Viên	600	365 ngày	
92	G.92	Trimetazidin dihydrochlorid	20mg	Uống	Viên	1	Viên	600	365 ngày	
93	G.93	Trimetazidin dihydrochlorid	20mg	Uống	Viên	2	Viên	2.400	365 ngày	
94	G.94	Spironolacton	25mg	Uống	Viên	4	Viên	600	365 ngày	
95	G.95	Clopidogrel	75 mg	Uống	Viên	2	Viên	3.000	365 ngày	
96	G.96	Isosorbid dinitrat	10mg	Uống	Viên	4	Viên	3.000	365 ngày	
97	G.97	Aspirin	81 mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	2	Viên	28.000	365 ngày	
98	G.98	Atorvastatin	10 mg	Uống	Viên	2	Viên	3.600	365 ngày	
99	G.99	Atorvastatin	20mg	Uống	Viên	3	Viên	3.000	365 ngày	
100	G.100	Metformin hydrochlorid	500mg	Uống	Viên	1	Viên	5.000	365 ngày	
101	G.101	Metformin hydrochlorid	850mg	Uống	Viên	1	Viên	3.000	365 ngày	
102	G.102	Metformin hydrochlorid	1000mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	1	Viên	900	365 ngày	
103	G.103	Acarbose	100mg	Uống	Viên	1	Viên	1.000	365 ngày	

104	G.104	Metformin hydrochloride	850mg	Uống	Viên		3	Viên	7.000	365 ngày	
105	G.105	Gliclazid	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát		2	Viên	7.000	365 ngày	
106	G.106	Gliclazide	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát		1	Viên	2.000	365 ngày	
107	G.107	Gliclazide	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát		1	Viên	1.800	365 ngày	
108	G.108	Sitagliptin; Metformin HCl	50mg, 1000mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát		1	viên	600	365 ngày	
109	G.109	Sitagliptin	100mg	Uống	Viên		1	Viên	600	365 ngày	
110	G.110	Gingko biloba extract	40mg	Uống	Viên		1	Viên	1.000	365 ngày	
111	G.111	Acetyllecine	500mg	Uống	Viên		1	Viên	2.000	365 ngày	
112	G.112	Cinnarizine	25mg	Uống	Viên		1	Viên	6.000	365 ngày	
113	G.113	Cinnarizine	25mg	Uống	Viên		4	Viên	30.000	365 ngày	
114	G.114	Piracetam	800mg	Uống	Viên		1	Viên	2.000	365 ngày	
115	G.115	Magnesium lactate dihydrat; Pyridoxin hydrochlorid	470 mg, 5mg	Uống	Viên bao tan ở ruột		2	Viên	2.000	365 ngày	
116	G.116	Kali clorid	500 mg	Uống	Viên		4	Viên	2.000	365 ngày	
117	G.117	Tranexamic acid	250 mg	Uống	Viên nang		1	Viên	2.400	365 ngày	
118	G.118	Sắt; Acid Folic; Vitamin B12	53,25mg; 0,75mg; 7,5mcg	Uống	Viên nang		2	Viên	1.000	365 ngày	
119	G.119	Acid ascorbic	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm		4	Ống	800	365 ngày	
120	G.120	Acid ascorbic	500mg	Uống	Viên nang		4	Viên	30.000	365 ngày	
121	G.121	Salbutamol	100mcg/liều xịt	Hít	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp		1	Bình	30	365 ngày	
122	G.122	Budesonide	500mcg/2ml	Hít	Hỗn dịch/hỗn		1	ống	200	365 ngày	

					dịch khí dung					
123	G.123	Ipratropium bromide anhydrous; Salbutamol	0,5mg; 2,5mg	Hít	Dung dịch/hôn dịch khí dung		1	ống	200	365 ngày
124	G.124	Budesonid; Formoterol fumarate dihydrate	160 mcg; 4,5 mcg	Hít	Thuốc hít định liều/phun mù định liều		1	Hộp	10	365 ngày
125	G.125	Bambuterol hydroclorid	10mg	Uống	Viên		4	Viên	7.000	365 ngày
126	G.126	Calci	500mg	Uống	Viên sủi		2	Viên	1.500	365 ngày
127	G.127	Calci; Colecalciferol	300mg, 60IU	Uống	Viên		4	Viên	10.000	365 ngày
128	G.128	Retinol acetat	5000 IU	Uống	Viên nang		4	viên	4.000	365 ngày
129	G.129	Thiamin nitrat	250mg	Uống	Viên		4	Viên	3.000	365 ngày
130	G.130	Vitamin B1; Vitamin B6; Vitamin B12	125mg, 125mg, 125mcg	Uống	Viên		2	Viên	12.000	365 ngày
131	G.131	Pyridoxin hydroclorid	250mg	Uống	Viên		4	Viên	3.000	365 ngày
132	G.132	Nicotinamid	500mg	Uống	Viên		4	Viên	2.400	365 ngày
133	G.133	Griseofulvin	500mg	Uống	Viên		4	Viên	6.000	365 ngày
134	G.134	Ivermectin	6mg	Uống	Viên		4	Viên	20	365 ngày
135	G.135	Albendazol	400mg	Uống	Viên		2	Viên	300	365 ngày
136	G.136	Mebendazole	500mg	Uống	Viên		4	Viên	300	365 ngày
137	G.137	Mỗi 250ml chứa: Isoleucine 0,625g; Leucine 1,1125g; Lysine (dưới dạng lysine HCl) 0,8575g; Methionine 0,55g; Phenylalanine 0,5875g; Threonine 0,525g; Tryptophan 0,20g; Valine 0,775g; Arginine 1,4375g; Histidine 0,375g; Alanine	5% 500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền		1	Chai 500ml	12	365 ngày

		1,3125g; Glycine 1,50g; Aspartic acid 0,70g; Glutamic Acid 0,90g; Proline 0,6875g; Serine 0,2875g; Tyrosine 0,10g; Sodium acetate trihydrate 0,34025g; Sodium hydroxide 0,035g; Potassium acetate 0,61325g; Sodium chloride 0,241g; Magnesium chloride hexahydrate 0,127g; Disodium phosphate dodecahydrate 0,89525g							
138	G.138	Acid Ascorbic, Dextran, Nicotinamid, Pyridoxin HCl, Riboflavin, Thiamin HCl	500mg, 250mg, 25g, 625mg, 25mg, 25mg, 125mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	2	Chai	30	365 ngày
139	G.139	Natri clorid; Natri Lactat; Kali Clorid; Calci Clorid Dihydrat	500ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	1	Chai	200	365 ngày
140	G.140	Glucose	25g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	4	Chai	200	365 ngày
141	G.141	Glucose	1,5g	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Ống	400	365 ngày
142	G.142	Natri clorid	4,5g	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	1	Chai	240	365 ngày
143	G.143	Lidocain HCl	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm	4	Ống	300	365 ngày
144	G.144	Ethanol	90%/60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Lọ 60ml	1.000	365 ngày
145	G.145	Ethanol	70%/60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	chai	100	365 ngày
146	G.146	Povidon Iod	2g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	chai	300	365 ngày
147	G.147	Povidon Iod	9g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	chai	150	365 ngày
148	G.148	Natri clorid	90mg	Nhỏ mắt/mũi	Thuốc nhỏ mắt, mũi	4	Lọ 10ml	1.000	365 ngày

149	G.149	Naphazolin nitrat	7,5mg	Nhỏ mũi và xịt mũi	Thuốc nhỏ mũi, xịt mũi	4	CHAI	800	365 ngày
150	G.150	Ciprofloxacin	15mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	4	LỌ	800	365 ngày
151	G.151	Ofloxacin	15mg	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	4	Lọ	400	365 ngày
152	G.152	Acid boric	300mg	Nhỏ tai	Thuốc nhỏ tai	4	chai	200	365 ngày
153	G.153	Acid boric	800mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	LỌ	500	365 ngày
154	G.154	Diethyl phtalat	5.2g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Lọ	1.000	365 ngày
155	G.155	Cloramphenicol; Triamcinolone Acetonid	0,16g; 0,008g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Lọ	800	365 ngày
156	G.156	Betamethason dipropionat; Clotrimazol; Gentamicin sulfat	6,4 mg, 100 mg, 10mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	1.000	365 ngày
157	G.157	Ketoconazole	300mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	600	365 ngày
158	G.158	Betamethason	2,5mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	1.000	365 ngày
159	G.159	Triamcinolon acetonid	10mg/10g	Niêm mạc miệng	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	4	Tuýp	200	365 ngày
160	G.160	Acid Benzoic; Acid Salicylic; Iod	1g, 1g, 0,3g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	CHAI	360	365 ngày
161	G.161	Pancreatin	300mg	Uống	Viên nang	1	viên	1.200	365 ngày
162	G.162	Trimebutine maleate	100mg	Uống	Viên	1	viên	1.200	365 ngày
163	G.163	Irbesartan; Hydrochlorothiazide	300 mg; 12,5 mg	Uống	Viên	1	viên	800	365 ngày
164	G.164	Rosuvastatin	10 mg	Uống	Viên	1	Viên	700	365 ngày
165	G.165	Vitamin E (D-alpha-tocopheryl acetate)	400 UI	Uống	Viên nang	2	Viên	700	365 ngày
166	G.166	Sitagliptin; Metformin HCl	50mg, 1000mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	1	viên	700	365 ngày

167	G.167	Natri clorid ; Natri citrat; Kali clorid ; Glucose khan	0,52g , 0,58g, 0,3g , 2,7g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	2	Gói	3.000	365 ngày	
168	G.168	Pinene (alpha+beta); Camphene; Cineol BPC (1973); Fenchone; Borneol; Anethol	.	Uống	Viên nang	1	viên	2.400	365 ngày	
169	G.169	Kim tiền thảo	120mg	Uống	Viên	4	Viên	3.000	365 ngày	
170	G.170	Aciclovir	250mg	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Tuýp	200	365 ngày	
171	G.171	Acyclovir	400mg	Uống	Viên	2	Viên	3.000	365 ngày	
172	G.172	Allopurinol	300mg	Uống	Viên	2	Viên	3.600	365 ngày	
173	G.173	Colchicin	1 mg	Uống	Viên	2	Viên	3.600	365 ngày	
174	G.174	Sulpirid	50mg	Uống	Viên nang	4	Viên	5.000	365 ngày	
175	G.175	Amitriptylin hydroclorid	25mg	Uống	Viên	4	Viên	10.000	365 ngày	
176	G.176	Rotundin	60mg	Uống	Viên	4	Viên	10.000	365 ngày	
177	G.177	Thiamin HCl; Pyridoxin HCl; Cyanocobalamin	50mg; 250mg; 5000mcg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	4	Lọ	160	365 ngày	
178	G.178	Thiamazole	10mg	Uống	Viên	1	viên	2.400	365 ngày	
179	G.179	Thiamazole	5mg	Uống	Viên	1	Viên	4.000	365 ngày	
180	G.180	Levothyroxine natri	100mcg	Uống	Viên	1	viên	3.000	365 ngày	
181	VTYT.01	Aluminium glycinate, Glycerin, Menthol, Eucalyptol, Water, Polyacrylate Crosspolymer-6			Dán	KPN	Hộp	20	365 ngày	
182	VTYT.02	Chỉ phẫu thuật không tiêu	Black silk; 3/0		Dùng ngoài	KPN	Tép	300	365 ngày	
183	VTYT.03	Dây truyền dịch có kim			Dùng ngoài	KPN	cái	500	365 ngày	
184	VTYT.04	Bơm tiêm sử dụng một lần	5cc		Dùng ngoài	KPN	cái	1.200	365 ngày	
185	VTYT.05	Bơm tiêm sử dụng một lần	10cc		Dùng ngoài	KPN	Cái	300	365 ngày	
186	VTYT.06	Bơm tiêm sử dụng một lần	5cc		Dùng ngoài	KPN	cái	1.000	365 ngày	

187	VTYT.07	Nước oxy già	3%/60ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	4	Chai	800	365 ngày	
188	VTYT.08	Menthol, camphor, eucalyptol, peppermint oil, eugenol, dầu parafin	Chai 10ml	Dùng ngoài	Dung dịch dầu	KPN	Chai	240	365 ngày	
189	VTYT.09	Menthol, camphor, eucalyptol, methyl salicylate, hương liệu, dầu parafin	Chai 6ml	Dùng ngoài	Dung dịch dầu	KPN	Chai	200	365 ngày	
190	VTYT.10	Xanh methylen; Ethanol 96%	180mg; 2ml	Dùng ngoài	Dung dịch	KPN	Lọ	240	365 ngày	
191	VTYT.11	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng	Size M	Dùng ngoài	Vật tư y tế/Hộp 100 cái	KPN	Hộp	150	365 ngày	
192	VTYT.12	Khẩu trang y tế	N95	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Hộp	180	365 ngày	
193	VTYT.13	Bông y tế	1kg	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Kg	11	365 ngày	
194	VTYT.14	Gạc y tế tiệt trùng	10cm x 12cm x 12 lớp	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Gói	180	365 ngày	
195	VTYT.15	Băng keo lụa	Dùng để cố định các loại băng dùng để băng vết thương và các thiết bị y tế (catheter, kim truyền,...) Kích thước: 2.5cm*5m	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Cuộn	150	365 ngày	
196	VTYT.16	Băng cuộn y tế	Kích thước: 0.07m*2.5m	Dùng ngoài	TTBYT	KPN	Cuộn	300	365 ngày	
197	VTYT.17	Băng thun y tế	2 móc	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Cuộn	100	365 ngày	
198	VTYT.18	Băng cá nhân vải	Kích thước: 2cm*6cm	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Hộp	60	365 ngày	
199	VTYT.19	Chai xịt lạnh	Chai 150ml	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Chai	5	365 ngày	
200	VTYT.20	Que thử thai		Dùng ngoài	Que test	KPN	cái	200	365 ngày	

201	VTYT.21	Que đê lưỡi	Sản phẩm chỉ dùng 1 lần. Kích thước: 2x20x150mm.	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Hộp	20	365 ngày	
202	VTYT.22	Máy đo huyết áp kèm ống nghe		Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Bộ	10	365 ngày	
203	VTYT.23	Máy đo huyết áp bắp tay tự động	Máy đo huyết áp và ống nghe Thông số yêu cầu: Dải đo: 20 - 280 mmHg Nhịp tim: 40 - 180 nhịp/phút Độ chính xác: <= 3mmHg; Nhịp tim:<= 5% kết quả đo Tuổi thọ pin: > 1000 lần Đi kèm ống nghe	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Cái	6	365 ngày	
204	VTYT.24	Nhiệt kế y khoa đo thân nhiệt	CRW-23	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Cái	50	365 ngày	
205	VTYT.25	Cân khám sức khỏe có thước đo		Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Cái	2	365 ngày	
206	VTYT.26	Đồng hồ oxy		Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Cái	7	365 ngày	
207	VTYT.27	Máy phun khí dung		Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Cái	3	365 ngày	
208	VTYT.28	Bơm Máy Huyết Áp		Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Cái	30	365 ngày	
209	VTYT.29	Máy đo nồng độ Oxy bão hòa trong máu	Máy được sử dụng để đo nồng độ Oxy bão hòa trong máu (SpO2) và nhịp tim/phút	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Cái	7	365 ngày	
210	VTYT.30	Máy đo đường huyết	On Call Pluss	Dùng ngoài	Vật tư y tế	KPN	Cái	6	365 ngày	

211	VTYT.31	Que test đường huyết	On Call Pluss	Dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	hộp	14	365 ngày	
212	VTYT.32	Dây thông tiểu	Dây thông tiểu 2 nhánh, số 14	Dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Sợi	22	365 ngày	
213	VTYT.33	Dây thở oxy	Dây thở oxy 2 nhánh bằng nhựa PVC nguyên sinh dùng trong y tế, mềm dẻo, dai, độ bền cao, không bị gãy gập trong quá trình sử dụng. Dùng cho trẻ sơ sinh	Dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Sợi	100	365 ngày	
214	VTYT.34	Lưỡi dao mổ phẫu thuật		Dùng ngoài	Vật tư y tế		KPN	Cái	300	365 ngày	

2.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải:

+ Có thuyết minh quy trình tổ chức cung cấp thuốc khả thi, phù hợp với quy mô gói thầu, tuân thủ nguyên tắc thực hành tốt từ khâu nhập hàng, cấp phát, vận chuyển và giao hàng, đảm bảo được chất lượng thuốc khi bàn giao cho đơn vị sử dụng. Có tài liệu minh chứng phương tiện vận chuyển thuốc đáp ứng yêu cầu về nhiệt độ và độ ẩm bảo quản trên nhãn trong suốt quá trình giao hàng.

+ Có cam kết chấp nhận các phương pháp kiểm tra chất lượng hàng hóa mà chủ đầu tư sẽ tiến hành để chứng minh chất lượng sản phẩm do nhà thầu cung cấp trong trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu hồ sơ mời thầu khi bàn giao (mọi chi phí do nhà thầu chịu).

+ Có cam kết thu hồi rác thải phóng xạ theo yêu cầu của Chủ đầu tư (đối với nhà thầu tham dự mặt hàng là thuốc phóng xạ).

+ Có cam kết cung ứng đủ hàng theo nhu cầu dự trữ của Chủ đầu tư ngay sau khi được lựa chọn trúng thầu.

+ Có cam kết thu hồi vô điều kiện những mặt hàng bị phát hiện có vấn đề về chất lượng trong quá trình sử dụng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư.

+ Có cam kết đáp ứng yêu cầu của đơn vị về tiến độ và phạm vi cung cấp.

+ Có cam kết đảm bảo khả năng cung cấp thuốc theo đúng yêu cầu về chất lượng thuốc.

+ Có cam kết bồi thường thiệt hại do thuốc không đạt chất lượng gây ra (nếu có).

+ Có cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các mặt hàng thuốc tham dự thầu vào các nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Thông tư số 40/2025/TT-BYT ngày 25/10/2025 của Bộ Y tế.

+ Có cam kết trong vòng 03 năm kể từ năm đóng thầu:

++ Không có hợp đồng bị phạt do chậm tiến độ hoặc bỏ dở hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

++ Không có trường hợp Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có).

++ Chất lượng hàng hóa của nhà thầu đã cung cấp được sử dụng mà không có bất kỳ khiếu nại nào.

++ Không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu bởi bất kỳ cơ quan hay tổ chức nào. Chưa từng bị bất kỳ chủ đầu tư/Chủ đầu tư nào ra quyết định xử phạt, kết luận có hành vi gian lận, vi phạm các quy định tại Điều 16 của Luật đấu thầu số 22/2023/QH15.

- Trong quá trình cung ứng thuốc nếu có yêu cầu thì nhà thầu phải cung cấp phiếu kiểm nghiệm (bản sao) đối với mỗi lô thuốc cùng với hóa đơn cho Chủ đầu tư (mỗi lô thuốc phải có phiếu kiểm nghiệm riêng, trường hợp trong năm cung ứng thuốc thành nhiều đợt nhưng các thuốc này cùng 1 lô sản xuất thì chỉ cần cung cấp 1 phiếu kiểm nghiệm của lô thuốc đó). Số lô sản xuất được in trên hóa đơn bán hàng hoặc phiếu báo lô kèm theo. Trong quá trình cung ứng, trường hợp có yêu cầu từ Chủ đầu tư thì nhà thầu phải cung cấp giấy phép lưu hành sản phẩm (bản sao) để kiểm tra, đối chiếu.

- Nhà thầu phải nộp cùng E-HSDT các tài liệu để chứng minh thông tin thuốc dự thầu: Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của thuốc, tài liệu chứng minh thông tin thuốc và các yêu cầu liên quan khác về tài liệu theo hướng dẫn của E-HSMT. Các tài liệu này là một phần yêu cầu của E-HSDT để chủ đầu tư có đầy đủ cơ sở để đánh giá tính đáp ứng của E-HSDT so với yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp nhà thầu không cung cấp một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu thì được xem là bỏ sót nội dung, E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét và đánh giá.

***Ghi chú:** Trong trường hợp nghi ngờ nhà thầu tham dự có hành vi cam kết không trung thực trong hồ sơ dự thầu, Chủ đầu tư sẽ tiến hành xác minh tính chính xác về các nội dung cam kết của nhà thầu tham dự. Nếu kết quả xác minh cho thấy nhà thầu cố ý cam kết không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là không đạt, đồng thời bị xử lý vi phạm hành vi gian lận trong hoạt động đấu thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 và nhà thầu bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 03 năm đến 05 năm theo quy định tại Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Nhà thầu phải có cam kết nếu trúng thầu phải thực hiện những nội dung sau:

a) Khi có yêu cầu của Chủ đầu tư về việc kiểm tra và thử nghiệm trước khi bàn giao sản phẩm đại trà, nhà thầu phải:

- Cung cấp hàng hóa để kiểm tra, thử nghiệm trước thời điểm giao hàng tối thiểu là 01 ngày, để Chủ đầu tư kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa về tính xác thực, tính an toàn... của các hàng hoá đã trúng thầu, phải đạt theo đúng các yêu cầu của E-HSMT và theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp hàng hóa không đạt, nhà thầu phải thay thế sản phẩm khác nhanh chóng, vô điều kiện; khi chủ đầu tư chấp thuận hàng hóa kiểm tra thử nghiệm xong thì mới được giao hàng đại trà.

- Địa điểm kiểm tra: Tại Trại giam Cái Tàu hoặc theo thỏa thuận của 2 bên.

- Thời gian kiểm tra: Không quá 01 ngày.

- Kinh phí: Do nhà thầu chịu trách nhiệm.

b) Nếu không có yêu cầu của Chủ đầu tư về việc kiểm tra và thử nghiệm trước khi bàn giao sản phẩm đại trà; Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ hàng hàng hóa đảm bảo theo đúng các yêu cầu của E-HSMT, các quy định hiện hành của Nhà nước và hợp đồng đã ký kết. Trường hợp hàng hóa không đạt, nhà thầu phải thay thế sản phẩm khác nhanh chóng, vô điều kiện để đảm bảo cung cấp hàng hoá theo đúng tiến độ.

c) Toàn bộ hàng hóa được bàn giao tại đơn vị sử dụng trước khi nghiệm thu, đưa vào sử dụng; nhà thầu chịu trách nhiệm hướng dẫn sử dụng... theo đúng yêu cầu.

d) Sau khi hàng hoá đã nghiệm thu, bất kỳ thời điểm nào Chủ đầu tư cũng được quyền yêu cầu thực hiện công tác kiểm tra nghiệm thu.

- Đánh giá chất lượng hàng mẫu:

*Thuốc tiêm:

+ Dạng lỏng: Nếu là ống thủy tinh phải dễ bẻ. Nếu là nhựa thì đồng nhất, không tách lớp

+ Dạng bột: Không có màu sắc bất thường, dễ tan hoặc dễ phân tán, ống dung môi đi kèm (nếu có)

+ Thuốc tiêm truyền: Nút chai không bị rò rỉ khi tiêm truyền, có nút nhựa để cắm kim tiêm truyền

*Thuốc uống, tọạ được bao bì kín, dễ mở, không bị biến dạng trong quá trình bảo quản, mùi vị dễ chịu:

+ Dạng nước: Bao bì gọn nhẹ

+ Dạng gói: Không hút ẩm

*Dạng viên: Không bị vỡ khi mở bao bì, thuốc và bao bì không hút ẩm

Nếu có sự không phù hợp đối với các tiêu chí trên, Chủ đầu tư sẽ quyết định loại hay giữ thuốc đó để tiếp tục đánh giá tiếp.

- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển:

+ Theo “Phụ lục I. Mẫu cam kết” và các quy định trong E-HSMT.

+ Nhà thầu phải có phương tiện vận chuyển thuốc đến tận nơi đơn vị sử dụng, đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm theo quy định của Cục Quản lý Dược - Bộ Y tế.

PHỤ LỤC I. MẪU CAM KẾT
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BẢN CAM KẾT

....., ngày.... tháng.... năm....

Kính gửi: **Trại giam Cái Tàu**

Sau khi nghiên cứu E-HSMT gói thầu “Gói thầu HH-01: Mua thuốc và vật tư y tế cho Trại giam Cái Tàu năm 2026 thuộc dự toán mua sắm “Mua thuốc và vật tư y tế cho Trại giam Cái Tàu năm 2026” do Trại giam Cái Tàu làm Chủ đầu tư.

Chúng tôi, *[điền tên nhà thầu]*, cam kết các nội dung như sau:

1. Cung cấp hàng hóa mới 100%, xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai nguyên kiện, đảm bảo đạt tiêu chuẩn chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong các đợt giao hàng cho đơn vị theo kết quả trúng thầu của gói thầu này (nếu được lựa chọn trúng thầu).
2. Thời gian giao hàng tới kho của đơn vị sử dụng/đơn vị thụ hưởng trong thời gian không quá 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Chủ đầu tư.
3. Trong trường hợp nhà thầu không có thuốc cung ứng hoặc cung ứng thuốc không đúng với các thông số kỹ thuật chào thầu hoặc thời gian cung ứng chậm trễ theo hợp đồng, nhà thầu phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về mặt tài chính theo yêu cầu của Chủ đầu tư và được xem là chậm tiến độ/không hoàn thành hợp đồng.
4. Về phương thức thanh toán: Thanh toán trong vòng 90 ngày sau khi hoàn tất hóa đơn hợp pháp, thủ tục nhập kho và nghiệm thu bàn giao.
5. Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ về số lượng thuốc trúng thầu, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về điều kiện giao hàng tiến độ và phạm vi cung cấp nêu trong E-HSMT.
6. Thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng đã chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật như đã chào thầu, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Chủ đầu tư, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.
7. Cung cấp thuốc theo đúng kỹ thuật, chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT trước đó và đơn giá theo đúng giá trúng thầu (kể cả trong trường hợp có trượt giá trong năm).
8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin kê khai, kê khai lại đã cung cấp và chưa có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý Nhà nước về giá thuốc đối với tính bất hợp lý của mức giá kê khai hoặc kê khai lại.
9. Đảm bảo đáp ứng về yêu cầu vận chuyển đến địa điểm cung cấp: Đảm bảo giao hàng theo quy định trong hợp đồng mua bán/hợp đồng kinh tế thuốc ký kết với Chủ đầu tư.
10. Đảm bảo đáp ứng về thời hạn hợp đồng: Đảm bảo cung cấp thuốc y tế theo thời hạn hợp đồng đã ký kết với Chủ đầu tư và có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau.
11. Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho Chủ đầu tư phải bảo đảm theo yêu cầu của Chủ đầu tư, được thống nhất trong quá trình hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

12. Trong vòng 03 năm kể từ thời điểm đóng thầu không có hợp đồng bị phạt, không có trường hợp nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu khi được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), chất lượng hàng hóa của nhà thầu đã cung cấp được sử dụng mà không có bất kỳ khiếu nại nào, không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là Hộ kinh doanh: Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

13. Sẵn sàng cung cấp bản gốc các tài liệu để đối chiếu khi có yêu cầu của Chủ đầu tư: Hợp đồng tương tự, Biên bản nghiệm thu thanh lý, Hóa đơn tài chính, Sao kê ngân hàng chứng minh giao dịch (nếu có yêu cầu) của hợp đồng tương tự và các tài liệu khác có liên quan.

14. Cung cấp chứng từ hàng hóa (nếu có yêu cầu): Tại thời điểm giao nhận hàng hóa, nhà thầu phải cung cấp bản sao chứng thực tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa về xuất xứ và chất lượng hàng hóa.

15. Đối với các mặt hàng thuốc có kết quả đàm phán giá cấp quốc gia, kết quả đấu thầu tập trung cấp quốc gia, kết quả đấu thầu tập trung cấp địa phương được công bố, giá thuốc cung ứng cho chủ đầu tư sẽ thực hiện điều chỉnh căn cứ trên nguyên tắc giá thuốc cung ứng trong cùng nhóm tiêu chí kỹ thuật không được vượt giá thuốc trúng thầu thông qua đàm phán giá và đấu thầu tập trung cấp quốc gia, đấu thầu tập trung cấp địa phương.

16. Trong trường hợp giấy phép lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hay hồ sơ gia hạn hiệu lực số đăng ký của thuốc tham dự thầu bị hết hạn, chúng tôi xin đảm bảo sẽ cung cấp văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tuân thủ theo đúng các quy định.

17. Bảo quản và phân phối thuốc đảm bảo đúng yêu cầu quy định về GSP, GDP trong suốt quá trình vận chuyển tới kho của Chủ đầu tư.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)